

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn M, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Trần Thị Niềm, sinh năm 1941. Địa chỉ: ấp 6, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải Quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M cưới nhau năm 2005, hôn nhân do tìm hiểu trước. Đến năm 2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTH B (nay là xã TL), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình

anh M. Khi chị Ph sinh được đứa con đầu thì cha mẹ chồng có cất cho vợ chồng căn nhà, vợ chồng ra riêng. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con thứ hai, thì anh M bắt đầu chơi cờ bạc thiếu tiền người khác, về nhà kêu chị đưa tiền trả, đem xe đi cầm cố, chị phải đi chuộc. Có lần anh M kêu hai người chủ nợ đến đòi tiền chị, yêu cầu chị phải đưa tiền trả nhưng thực tế không có thiếu, mục đích là để anh M lấy số tiền đó đi đánh bạc tiếp. Vợ chồng có cãi vã nhau mỗi khi anh M đi đánh bạc, chị có khuyên can nhưng không được. Ngày 13/7/2022, chị có đi uống bia với bạn bè, trên đường về anh M ghen tuông đánh chị, hai bên xô sát, anh M giựt của chị một sợi dây chuyền, chị có giựt lại của anh M sợi dây chuyền, anh M còn lấy hết số tiền trong túi của chị. Chị có báo đến Công an xã TL, Công an xã mời chị và anh M về trụ sở làm việc, chị có làm tờ tường trình không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh M. Anh M đã trả sợi dây chuyền và tiền cho chị, chị trả sợi dây chuyền lại cho anh M. Sau đó chị bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Anh M lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê khoảng hơn nửa tháng, vợ chồng không còn sống chung khoảng 02 tháng nay. Trước đó, vợ chồng có cãi vã, chị giận đi về nhà cha mẹ ruột nhiều lần, người lớn khuyên can về thì chị về. Nhưng nay thấy mâu thuẫn ngày càng nhiều, không thể hàn gắn, không còn tình cảm, sống chung không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về việc nuôi con: Có hai con chung tên Ngô Văn Q, sinh ngày 17/5/2006 và Ngô Duy Kh, sinh ngày 24/01/2009, hiện nay hai con chung đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị buôn bán nhỏ thu nhập ngày 200.000 đồng, khi có dư thời gian chị đi làm thuê thêm được một ngày 150.000 đồng, thu nhập đủ nuôi con. Anh M cũng làm thuê, ai thuê gì làm đó, không ổn định, thu nhập chỉ đủ một mình anh Mong chi tiêu. Cha mẹ chồng có cho mượn 4 công ruộng để vợ chồng làm nhưng anh M thiếu nợ, cha mẹ chồng đã lấy lại cho người khác thuê lấy tiền trả nợ cho anh M.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ph cưới nhau năm 2005. Hôn nhân do tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTH B (nay là xã TL), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình anh. Vợ chồng sống hạnh phúc, lâu lâu mới có cãi vã nhau nhưng mâu thuẫn không lớn. Cách nay khoảng một tháng, chị Ph đi uống bia với những người bạn, anh có khuyên can, kêu chị Ph về nhà nhưng chị Ph không về nên anh có tát chị Ph một tay, chị Ph giật dây chuyền của anh, anh có lấy sợi dây chuyền của chị Ph do lúc đó chị Ph sợ anh sợ người lạ lấy. Chị Ph có báo đến Công an xã TL, Công an xã mời anh và chị Ph về trụ sở làm việc, chị Ph có làm tờ tường trình không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh. Sau khi anh và chị Ph xảy ra xô sát khoảng 5 – 10 ngày sau thì anh lên Thành phố HCM làm thuê. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 2 tháng nay. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn, anh không thống nhất ly hôn vì vẫn còn thương vợ con.

Về việc nuôi con: Có hai con chung tên Ngô Văn Q, sinh ngày 17/5/2006 và Ngô Duy Kh, sinh ngày 24/01/2009, hiện nay hai con chung đang sống với Ph. Có khi về nhà ba mẹ anh, có khi qua nhà anh, hai cháu đi đi về về giữa nhà nội và nhà ngoại. Do anh không thống nhất ly hôn nên không trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Hiện nay anh làm thuê lương tháng khoảng 6.000.000 đồng. Chị Ph làm thuê thu nhập 200.000 đồng/ngày. Cha mẹ anh có cho vợ chồng làm 04 công ruộng, hiện nay anh không còn canh tác, đã cho thuê lại, cha mẹ đưa cho vợ chồng làm ruộng để có thu nhập nuôi con chứ chưa cho luôn.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị Niềm trình bày: Bà là mẹ ruột của chị Lê Thị Ph, mẹ vợ anh Ngô Văn M, giữa bà và chị Ph, anh M không có mâu thuẫn gì. Chị Ph và anh M kết hôn năm nào bà không nhớ. Sau khi cưới thì chị Ph và anh M sống bên gia đình anh M. Một thời gian sau, vợ chồng cất nhà ra ở riêng. Trong thời gian chị Ph và anh M sống chung có cãi nhau do anh M chơi đánh bạc. Chị Ph có khuyên can nhưng không được, nên chị Ph giận bỏ về nhà bà 2, 3 lần. Khi chồng bà còn sống có khuyên chị Ph về đoàn tụ với anh M để con cái có đủ cha mẹ nên chị Ph đoàn tụ lại. Khoảng 02 tháng trước, chị Ph, anh M tiếp tục cãi nhau, chị Ph bỏ về nhà bà ở. Trong thời gian chị Ph ở nhà bà, chị Ph đi làm, anh M có đón đường đánh chị Ph, chị Ph báo Công an xã TL giải Quyết, chị Ph có rút đơn hay không thì bà không biết. Sau khi anh M đánh chị Ph, thì có đến nhà bà năn nỉ chị Ph cho cơ hội hàn gắn nhưng chị Ph không đồng ý. Cha mẹ anh M có đến gặp bà để hàn gắn cho chị Ph, anh M, bà cũng có khuyên chị Ph đoàn tụ lại với anh M nhưng không được. Nay chị Ph yêu cầu ly hôn với anh M, bà không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị Ph, anh M sống chung có hai con chung tên Ngô Văn Q, sinh năm 2006 và Ngô Duy K, sinh năm 2009, hai cháu và chị Ph đang sống nhà bà. Chị Ph làm thuê thu nhập khoảng 300.000 đồng – 400.000 đồng, đủ 03 mẹ con chung sống. Bà có phụ chị Ph chăm sóc hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung của hai vợ chồng chị Ph, anh M thì bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo Q định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ph. Về việc nuôi con: Giao hai con chung tên Ngô Văn Q, sinh ngày 17/5/2006 và Ngô Duy Kh, sinh ngày 24/01/2009 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Ph tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm Qền giải Qết của Tòa án nhân dân huyện HN theo Q định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Người làm chứng bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có lý do, nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải Qết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo Q định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Ph và anh Ngô Văn M là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Thới Hậu B (nay là xã TL), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với Q định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Ph là có căn cứ, vì: Chị Ph, anh M đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên cãi nhau do anh M đi đánh bạc, không chăm lo gia đình, chị Ph nhiều lần khuyên can nhưng không được, chị Ph bỏ về nhà mẹ ruột sống nhiều lần, anh M có năn nỉ nhưng sau đó không sửa đổi. Khoảng 02 tháng trước anh M có bạo hành chị Ph, Công an xã TL có mời về làm việc nhưng sau đó chị Ph không yêu cầu xử lý hình sự và vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Bà Niêm là mẹ chị Ph trình bày chị Ph có bỏ về nhà bà sống 2,3 lần mỗi khi vợ chồng cãi nhau. Từ khi anh M, chị Ph không còn sống chung, hai bên người lớn có động viên hàn gắn nhưng không được. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị Ph, anh M đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm của anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph với anh M là phù hợp với Q định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Có hai con chung tên Ngô Văn Q, sinh ngày 17/5/2006 và Ngô Duy K, sinh ngày 24/01/2009, hiện nay hai con chung đang sống với chị Ph, chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Ph, anh M ly thân cho đến nay, các cháu Q, K sống chung với chị Ph được chăm sóc đầy đủ, cháu Q, K có nguyện vọng sống chung với chị Ph. Về điều kiện nuôi con, chị Ph buôn bán nhỏ thu nhập ngày 200.000 đồng, đi làm thuê thêm ngày 150.000 đồng, thu nhập đủ để đảm bảo đời sống của chị và các con. Do đó, để không làm thay đổi môi trường sống, không làm ảnh hưởng đến tâm lý các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Q, K cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Q định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh M chưa có ý kiến về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nhưng tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, nên chị Ph không phải cấp dưỡng.

[7] Về chia tài sản chung: Chị Ph trình bày tự thỏa thuận. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M chưa có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[8] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn Lê Thị Ph chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0003948** ngày **18/7/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Bị đơn anh Ngô Văn M không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ph. Cho chị Lê Thị Ph ly hôn với anh Ngô Văn M.

2. Về việc nuôi con: Giao 02 con chung tên Ngô Văn Q, sinh ngày 17/5/2006 và Ngô Duy K, sinh ngày 24/01/2009 cho chị Lê Thị Ph được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ph tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Quyền yêu cầu Tòa án hạn chế Quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0003948** ngày **18/7/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

6. Về Quyền kháng cáo: Đương sự có Quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 9 năm 2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang

